

THÔNG BÁO

Mời chào hàng cạnh tranh Mua sắm thuốc năm 2025

Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bình Định (Bệnh viện Bình Định) có nhu cầu mua sắm thuốc năm 2025, Bệnh viện Bình Định trân trọng thông báo các công ty cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm và có khả năng cung ứng gửi chào giá với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin liên hệ chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Công ty nộp đầy đủ hồ sơ bản giấy có đóng dấu và bản mềm qua email (mẫu theo Phụ lục 02 đính kèm) theo thông tin dưới đây:

Ban Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bình Định (Bệnh viện Bình Định)

Địa chỉ: 39A Phạm Ngọc Thạch, P. Trần Phú, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Email: hd@benhvienbinhdinh.com.vn - hoadonduoc@benhvienbinhdinh.com.vn

II. Nội dung yêu cầu chào giá

1. Danh mục thuốc có nhu cầu mua sắm theo Phụ lục 1
2. Nội dung yêu cầu: Bảng chào giá theo mẫu Phụ lục 2

III. Thời hạn tiếp nhận Bảng chào giá:

Từ ngày ra thông báo đến trước 17 giờ 00 phút ngày 02/07/2025.

(Các Bảng chào giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)

Rất mong nhận được sự hợp tác từ Quý Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Nhận NT;
- Lưu: VT.



Đỗ Văn Tứ

DANH MỤC THUỐC MUA SẮM NĂM 2025

(Đính kèm theo Thông báo số 321. ngày 23/06/2025 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bình Định)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SĐK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
	Aminoglycosid						
1	Metodex SPS 7ml 21mg +7 mg (Merap, Việt Nam)	Tobramycin + dexamethason	Lọ	VD-23881-15	Nhỏ mắt	300	35.000
	Beta lactam						
2	AUGMENTIN 250/31.25 SAC 250MG (Glaxo, Pháp)	Amoxicilin + Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat)	Gói	VN-17444-13	Uống	8.400	10.670
3	Augmentin 500/62,5 SAC 500mg 12'S (Glaxo, Pháp)	Amoxicilin + acid clavulanic	Gói	VN-16487-13	Uống	8.400	16.014
4	Augmentin 625mg (SmithKline Beecham Limited; Anh)	Amoxicilin + Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat)	Viên	VN-20169-16	Uống	5.600	11.936
5	Augmentin Tablet 1g 875mg+125mg (SmithKline Beecham Pharmaceuticals, Anh)	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat). Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat)	Viên	VN-20517-17	Uống	4.200	16.680
6	Zelfamox 875/125 DT.	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil)	viên	893110073500 (VD-29863-18)	Uống	6.000	16.000
7	CEBEST 100 mg Gói 100mg (Merap, Việt Nam)	Cefpodoxim	Gói	VD-28341-17	Uống	3.000	7.900
8	CEBEST 200 200mg (Merap, Việt Nam)	Cefpodoxim	Viên	893110380123	Uống	3.000	8.400
9	Cefdiri 250 250mg (Medisun, Việt Nam)	Cefprozil	Viên	893110615724	Uống	12.000	19.000
10	Cefuro-B 500 500mg (Medipharco - Tenamyd, Việt Nam)	Cefuroxim axetil	Viên	VD-23817-15	Uống	3.600	12.999
11	EFODYL 125mg 125mg/1.5g (Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap, Việt Nam, Việt Nam)	Cefuroxim	Gói	VD-27344-17	Uống	1.500	6.700
12	Goldampill 300 300mg (Us Pharma, Việt Nam)	Cefdinir	Viên	VD-21742-14	Uống	24.000	14.000
13	MECEFIX-B.E 250mg 250 mg (Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap, Việt Nam, Việt Nam)	Cefixim	Viên	893110859224	Uống	3.000	9.900
14	MECEFIX-B.E 75mg (Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap, Việt Nam, Việt Nam)	Cefixim	Gói	VD-32695-19	Uống	3.000	5.700
15	Moxacin 500mg (DOMESCO - Việt Nam, Việt Nam)	Amoxicilin	Viên	VD-35877-22	Uống	20.000	998
16	Amoxicillin 500mg capsules	Amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrat) 500mg	viên	VN-22949-21	Uống	30.000	2.100
17	SM Amoxicillin 500mg (Việt Nam)	amoxcilin	Viên	VD-34374-20	Uống	30.000	1.999
18	Smodir-DT 300mg (Việt Nam)	Cefdinir	Viên	893110337624	Uống	24.000	14.500

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SDK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
19	Sumakin	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) 875mg; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxyl) 125mg	Viên	893110214424 (VD-28710-18)	Uống	24.000	10.200
20	Zinnat Tab 250mg 10's 250MG (GLAXO OPERATIONS UK LTD, Anh)	Cefuroxim	Viên	VN-19963-16	Uống	12.000	12.510
	Macrolid						
21	AZIPHAR 100 100mg (Mekophar, Việt Nam)	Azithromycin	Gói	VD-32128-19	Uống	8.000	13.500
22	Fabazixin 500	Azithromycin 500mg((dưới dạng azithromycin dihydrat))	Viên	89311 0199923	Uống	6.000	12.500
23	Klacid sus 60ml 125mg/5ml (PT. Abbott Indonesia - Indonesia, Indonesia)	Clarithromycin	Lọ	VN-16101-13	Uống	12.000	103.140
24	Maxclary 500 500mg (Pharbaco, Việt Nam)	Clarithromycin	viên	893110169324 (VD-30517-18)	Uống	9.600	13.975
25	ZidocinDHG 750.000IU + 125mg (Hậu Giang, Việt Nam)	Spiramycin + metronidazol	Viên	VD-21559-14	Uống	3.000	1.500
	Nitroimidazol						
26	Ortizole 500mg	Ornidazol 500mg	viên	VD-34509-20	Uống	2.400	16.650
	Quinolon						
27	Avelox Tab 400mg 400mg (Bayer, ĐỨC)	Moxifloxacin	Viên	VN-18602-15	Uống	600	52.500
28	Vinhopro 250mg	Ciprofloxacin	Gói	893115113124	Uống	6.000	9.390
29	FloxaVal 500mg (Delorbis Pharmaceuticals Ltd, Cộng hòa Síp, Síp)	Levofloxacin	Viên	VN-18855-15	Uống	6.000	16.390
30	Ociple 500 500mg (Việt Nam)	Levofloxacin	Viên	VN-21261-18	Uống	24.000	15.000
31	Melevox 500mg	Levofloxacin	Viên	VN-22867-21	Uống	24.000	17.700
32	Oflovid Ophthalmic solution (Santen Pharmaceutical Co. Ltd. , Nhật, Nhật)	Ofloxacin	Lọ	VN-19341-15	Nhỏ mắt	120	74.350
33	VIGAMOX (Alcon Research, Ltd.; Mỹ)	Moxifloxacin	Lọ	VN-22182-19	Nhỏ mắt	300	87.000
	Tetracyclin						
34	Tetracyclin 500mg (Domesco)	Tetracyclin (hydroclorid)	Viên	VD-23903-15	Uống	15.000	840
35	Doxycycline 100mg (DMC)	Doxycyclin 100mg	Viên	VD-32134-19	Uống	2.400	600
	Các chế phẩm androgen, estrogen và progesteron						
36	Duphaston 10mg 10mg (Abbott, Hà lan)	Dydrogesteron	Viên	VN-21159-18	Uống	12.000	7.728
37	Rosepire 3mg+0.03mg (Spain)	Drospirenone+Ethinylestradiol	Viên	VN-19694-16	Uống	6.720	4.652
38	Oestrogel 0.06%	Estradiol (estradiol hemihydrate)	Bình	540110401223 (VN-20130-16)	Dùng ngoài da	140	448.000
39	Utrogestan 200mg Capsule 1x7's, 1x8's 200mg (Besins Manufacturing Belgium, Pháp)	Progesteron	Viên	840110179823	Uống	9.000	14.484
	Hocmon thượng thận và những chất tổng hợp thay thế						
40	Forsancort (Medipharco - Tenamyd, Việt Nam)	Hydrocortison	Tuýp	VD-32290-19	Thoa ngoài da	360	17.890

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SĐK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
41	Medrol Tab 16mg 30's 16mg (Pfizer Italia S.r.l-Ý, Italy)	Methyl prednisolon	Viên	VN-13806-11	Uống	12.000	3.672
42	Medrol Tab 4mg 30's 4mg (Pfizer Italia S.r.l-Ý, Italia)	Methyl prednisolon	Viên	VN-13805-11	Uống	9.000	983
43	SOVEPRED 5mg (Mekophar, Việt Nam)	Prednison	viên	VD-26388-17	Uống	24.000	1.000
44	Prednisolon 5mg 5mg (TV.PHARM - Việt Nam, Việt Nam)	Prednison	Viên	VD-24887-16	Uống	10.000	86
45	Symbicort Rapihaler 164/4,5 mcg 164/4.5 mcg (AstraZeneca, Pháp)	Budesonid/formoterol	Bình xịt	VN-21667-19	Xịt họng	120	434.000
46	Symbicort Turbuhaler 60 Dose 160/4.5 160 mcg + 4,5 mcg (AstraZeneca AB-Thụy Điển, Thụy Điển)	Budesonid + formoterol fumarat dihydrat	Ống	VN-20379-17	Hít	200	219.000
Hormon tuyến giáp, cận giáp và thuốc kháng giáp trạng tổng hợp							
47	Levothyrox 50mcg 50cmg (Merck, ĐỨC)	Levothyroxin (muối natri)	Viên	400110141723	Uống	6.000	1.100
48	Thyrozol Tab 10mg 100's 10mg (Merck KGaA; đóng gói bởi Merck KGaA & Co., Werk Spittal-Đức, đóng gói Áo, ĐỨC)	Thiamazol	Viên	400110190423	Uống	6.000	2.240
Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết							
49	Canzeal 4mg (Lek S.A-Ba Lan, Poland)	Glimepirid	Viên	VN-11158-10	Uống	3.000	2.754
50	Diamicron MR Tab 30mg 60's 30mg (Les Laboratoires Servier Industrie-Pháp, Pháp)	Gliclazid	Viên	VN-20549-17	Uống	12.000	2.682
51	DIAMICRON MR TAB 60mg (Les Laboratoires Servier Industrie-Pháp, Pháp)	Gliclazid	Viên	VN-20796-17	Uống	6.000	5.126
52	Forxiga Tab 10mg 10mg (ASTRAZENECA PHARMACEUTICALS LP, Mỹ)	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	Viên	VN3-37-18	Uống	10.500	19.000
53	Galvus MET Tab 50mg/1000mg 6x10's 50mg + 1000mg (NOVARTIS PHARMA PRODUKTIONS GMBH, ĐỨC)	Vildagliptin + Metformin HCL	Viên	VN-19291-15	Uống	18.000	9.274
54	Glucophage XR 1000mg 1000mg (Merck Sante sas, Pháp)	Metformin Hydrochlorid	Viên	VN-21910-19	Uống	12.000	4.843
55	Glucophage 500mg 500mg (Merck, Pháp)	Metformin	Viên	VN-21993-19	Uống	9.000	1.598
56	Glucophage XR Tab 750mg (Merck Sante sas, France)	Metformin Hydrochlorid	Viên	VN-21911-19	Uống	9.000	3.677
57	Glucovance 500mg/2.5mg (Merck, France)	Metformin + glibenclamid	Viên	VN-20022-16	Uống	9.000	4.560
58	Jardiance 10mg 10mg (Boehringer, ĐỨC)	Empagliflozin	Viên	VN2-605-17	Uống	3.600	23.072
59	Jardiance 25mg 25mg (Boehringer, ĐỨC)	Empagliflozin	Viên	VN2-606-17	Uống	3.600	26.533
60	Novomix 30 FlexPen	Insulin aspart 100IU/ml	Cây	QLSP-1034-17	Hỗn dịch tiêm	300	200.508
61	Trajenta Duo 2,5mg/1000mg (Boehringer, ĐỨC)	Linagliptin+Metformin Hydrochlorid	Viên	400110085623	Uống	15.000	9.686
62	Linatab 5mg	Linagliptin 5mg	viên	VN-23118-22	uống	3.600	8.190

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SĐK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
63	Trajenta Duo 2,5mg/500mg (Boehringer, ĐỨC)	Linagliptin+Metformin Hydrochlorid	Viên	VN3-5-16	Uống	15.000	9.686
64	Xigduo XR 10MG/1000MG 10mg/1000mg (AstraZeneca, Mỹ)	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)+Metformin	Viên	VN3-216-19	Uống	8.400	21.470
	Khoáng chất + vitamin						-
65	A.T Calcium cort 1100mg+100mg+50mg (An Thien, Việt Nam)	Calci glucoheptonat+Vitamin C+Vitamin PP	Ống	VD-28849-18	Uống	40.000	10.500
66	Calcium - Nic Plus	Calcium glucoheptonat + Acid ascorbic + Nicotinamid	Ống	VD-29469-18	Uống	30.000	7.920
67	Viduferi (Allomed, Việt Nam)	Sắt III hydroxyd polymatose 100mg/10ml	Ống	893100165723	Uống	40.000	8.600
68	Atiferlit (An Thien, Việt Nam)	Sắt (III) hydroxyde polymaltose	Ống	VD-34132-20	Uống	30.000	3.995
69	Attom (Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây, Việt Nam)	Vitamin A + B1 + B2 + B6 + C + D3 + calci gluconat +kẽm + Lysin + PP	Viên	VD3-104-21	Uống	36.000	4.400
70	Bominity H2O 100mg (Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam, Việt Nam)	Vitamin C	Ống	VD-27500-17	Uống	6.000	4.998
71	CALCIUM CORBIERE EXTRA 10ml (Sanofi, Việt Nam)	Calcium glubionate+Calcium lactobionate	Ống	VD-19429-13	Uống	3.600	5.942
72	Camlyhepatinsof (Boston, Việt Nam)	L-Ornithin-L-Aspartat,Vitamin B1,B6,C,E	Viên	VD-18253-13	Uống	40.000	7.000
73	Siazimin	Omega 3 acid ethyl esters	Gói	VD-35750-22	Uống	12.000	18.000
74	Cymiras	Alpha lipoic acid 300mg	viên	VD-33089-19	Uống	12.000	9.500
75	GONSA SAFLIC (Mebipha, Việt Nam)	Sắt III hydroxid polymaltose+Acid folic	Viên	VD-33732-19	Uống	15.000	5.300
76	Fogyma 120ml	Sắt (dưới dạng Sắt (III) hydroxyd polymaltose) 50mg	Chai	893100105624 (VD-22658-15)	Uống	800	120.000
77	Ketosteril (Labesfal - Laboratorios Almiro, S.A, Portugal)	Isoleucin,Leucin,Phenylalani n,Valin,Methionin,L-lysin acetat,L-threonin,L-tryptophan,L-histidin,L-tyrosin	Viên	VN-16263-13	Uống	4.400	13.545
78	Methycobal injection 500mcg (NIPRO PHARMA CORPORATION ISE PLANT, Nhật Bản)	Mecobalamin	Ống	VN-20950-18	Tiêm	400	36.383
79	Obikiton (Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây, Việt Nam)	Lysin hydroclorid + calci glycerophosphat + acid glycerophosphic + vitamin B1 + B2 + B6 + E + PP	Ống	893100318100 (VD-28521-17)	Uống	24.000	10.689
80	Oresol new 4,22g (2,7g + 0,52g + 0,3g + 0,509g) (Bidiphar - Việt Nam, Việt Nam)	Glucose khan + Natri clorid + Kali clorid + Trinatri citrat. 2H2O)	Gói	VD-23143-15	Uống	10.000	1.050
81	Polyhema (Ha Nam, Việt Nam)	Sắt III hydroxid polymaltose+Acid folic	Ống	VD-32994-19	Uống	20.000	7.350

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SĐK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
82	SEMOZINE Capsule 80mg (Yoo Young, Hàn Quốc)	Thymomodulin	Viên	SP3-1191-20	Uống	4.500	4.000
83	VITAMIN C STELLA 1g (Stada, Việt Nam)	Vitamin C	Viên	VD-25486-16	Uống	9.000	1.800
84	Vitamin PP 500 mg (Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa, Việt Nam, Việt Nam)	Vitamin PP	Viên	VD-31750-19	Uống	3.600	155
85	Bioketoca	D,L- α - Ketoisoleucine calcium 67mg; α - Ketoleucine calcium 101mg; α - Ketophenylalanine calcium 68mg; α - Ketovaline calcium 86mg; D,L- α - Hydroxymethionine calcium 59mg; L- Lysine acetate 105mg; L-Threonine 53mg; L-Tryptophan 23mg; L-Histidine 38mg; L-Tyros	viên	893110225723	Uống	12.000	8.000
Thuốc an thần							
86	STRESAM 50mg (Biocodex, Pháp, Pháp)	Etifoxin hydrochlorid	Viên	VN-21988-19	Uống	6.000	3.300
Thuốc chống co giật, chống động kinh							
87	DEPAKINE 200MG (Sanofi - Aventis, Tây Ban Nha)	Valproic acid	Viên	VN-21128-18	Uống	6.000	2.479
88	Trileptal Suspension 60mg/ml 100ml	Oxcarbazepin	Chai	VN-22666-20	Uống	300	219.996
89	Trileptal 300mg	Oxcarbazepin 300mg	Viên	VN-22183-19	Uống	1.000	8.064
90	Neuralmin 75 75mg (Boston, Việt Nam)	Pregabalin	Viên	VD-20675-14	Uống	15.000	3.140
91	Antixiety 75	Pregabalin	Viên	VN-23039-22	Uống	12.000	7.950
92	Silum 5mg	Flunarizin (dưới dạng Flunarizin dihydrochlorid)	viên	VN-21268-18	Uống	24.000	3.000
93	SIBENDINA 10mg	Flunarizin (dưới dạng Flunarizin dihydrochlorid)	viên	893110415424 (SĐK cũ: VD-31693-19)	Uống	24.000	2.090
94	Pegaset 50	Pregabalin 50mg	Viên	VN-22871-21	Uống	12.000	6.900
95	Tegretol 200mg 200mg (Novartis Farma S.p.A-Ý, Italia)	Carbamazepin	Viên	VN-18397-14	Uống	3.600	1.554
96	Topamax 25 (Cilag AG, Thụy Sĩ)	Topiramat	Viên	VN-20301-17	Uống	3.600	5.200
Thuốc chống co thắt							
97	Buscopan 10mg (Delpharm Reims, Pháp)	Hyoscin - N - butylbromid	Viên	300100131824	Uống	12.000	1.120
98	Drotusc Forte (Drotaverin 80mg) 80mg (Medisun, Việt Nam)	Drotaverin clohydrat	Viên	VD-25197-16	Uống	12.000	525
99	No-Spa forte 80mg (Chinoin Pharmaceutical & Chemical Works Private Co.,Ltd.-Hungary, Hungary)	Drotaverin hydrochlorid	Viên	599110033523	Uống	7.200	1.158
Thuốc chống đau thắt ngực							
100	Diltiazem Stella 60mg 60mg (Stada, Việt Nam)	Diltiazem	Viên	VD-27522-17	Uống	6.000	1.200
101	Nadecin 10mg (S.C.Arena Group SA, Romania)	Isosorbid dinitrat	Viên	VN-17014-13	Uống	7.200	2.590

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SDK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
102	Vastarel MR (Les Laboratoires Servier Industrie; Pháp, France)	Trimetazidin hydroclorid	Viên	VN-17735-14	Uống	9.000	2.705
	Thuốc chống huyết khối						
103	Aspirin Stella 81mg (Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1, Việt Nam)	Acetylsalicylic acid	Viên	893110337023	Uống	24.000	325
104	Azenmarol 4 4mg (Agimexpharm- Việt Nam, Việt Nam)	Acenocoumarol	Viên	893110257723	Uống	5.000	195
105	DuoPlavin 75mg/100mg (Sanofi, Pháp)	Clopidogrel + acetylsalicylic	Viên	300110793024	Uống	6.000	20.828
106	Lixiana tab 30mg 30mg (Daiichi Sankyo Propharma Co., Ltd., Hiratsuka Plant. (Packing Company: OLIC (Thailand) Limited), ĐỨC)	Edoxaban	Viên	VN3-366-21	Uống	3.600	54.000
107	Lixiana tab 60mg 60mg (Daiichi Sankyo Propharma Co., Ltd., Hiratsuka Plant. (Packing Company: OLIC (Thailand) Limited), ĐỨC)	Edoxaban	Viên	VN3-367-21	Uống	3.600	54.000
108	PLAVIX 75mg B/ 1bl x 14 Tabs 75mg (Sanofi Winthrop Industrie-Pháp, Pháp)	Clopidogrel	Viên	VN-16229-13	Uống	7.000	16.819
109	Ucyrin 75mg (Laboratorios Lesvi, S.L, Spain, Spain)	Clopidogrel	Viên	VN-15810-12	Uống	7.000	11.500
110	Xarelto Tab 10mg 10mg (Bayer, ĐỨC)	Rivaroxaban	Viên	VN-21680-19	Uống	1.800	58.000
111	Xarelto Tab 20mg 20mg (Bayer, ĐỨC)	Rivaroxaban	Viên	VN-19014-15	Uống	1.800	58.000
	Thuốc chống loạn nhịp						
112	CORDARONE 200mg B/ 2bls x 15 Tabs 200mg (Sanofi Winthrop Industrie-Pháp, Pháp)	Amiodaron	Viên	VN-16722-13	Uống	7.200	6.750
	Thuốc chống nấm						
113	Diflazon 150mg 150mg (Krka. D.D., Novo Mesto - Slovenia, Slovenia)	Fluconazol	Viên	VN-22563-20	Uống	3.000	21.160
114	Nyst Rơ Miệng (OPC, Việt Nam)	Nystatin	Gói	VD-26961-17	Uống	2.400	976
115	Nystatin 500.000IU 500.000IU (Vidipha, Việt Nam)	Nystatin	Viên	893110272923	Uống	3.000	980
116	Ovumix (Argentina)	Metronidazol + Neomycin + Polymyxin	Viên	VN-16700-13	Đặt âm đạo	8.000	44.000
117	Cyclogest 400mg	Progesteron 400mg	viên	VN-17146-13	Đặt âm đạo	3.600	27.334
118	Safaria (LTD Farmaprim, moldova)	Metronidazole+Chloramphenicol+Nystatin	Viên	VN-16636-13	Đặt âm đạo	9.000	18.000
119	Gynocaps (100mg + 100mg)	Metronidazol + Miconazol	Viên	VN-22017-19	Đặt âm đạo	6.000	11.900
120	Mycoril 500	Clotrimazole	Viên	529100121024	Đặt âm đạo	6.000	64.500
121	Miko-Penotran vaginal pessary	Miconazol 1200mg	Hộp	VN-14739-12	Đặt âm đạo	200	99.750
	Thuốc chống nôn						
122	Dloe 4mg 4mg (Laboratorios Lesvi, S.L, Spain, Spain)	Ondansetron	Viên	840110072423	Uống	3.600	11.000
123	Motilium-M 10mg (OLIC (Thailand) Ltd., Thái Lan, Thailand)	Domperidon	Viên	VN-14215-11	Uống	12.000	1.813

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SĐK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
124	Nausazy 4mg 4mg (Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam)	Ondansetron	Ống	VD-27828-17	Uống	3.600	14.500
	Thuốc chống rối loạn tâm thần						
125	Alzepil 5mg (Egis Pharmaceuticals Private Limited company, Hungary)	Donepezil	Viên	VN-20755-17	Uống	2.400	27.000
126	DOGTAPINE 50mg (Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa, Việt Nam, Việt Nam)	Sulpirid	Viên	893110156424	Uống	15.000	140
127	Dogmakern 50mg	Sulpiride	viên	840110784324 (VN-22099-19)	Uống	15.000	3.500
128	Hornol (Davipharm, Việt Nam)	Cytidin + Uridin	Viên	VD-16719-12	Uống	36.000	3.990
129	Lyodura 100mg (Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam, Việt Nam)	Acid thioctic (acid alpha lipoic)	Viên	VD-23955-15	Uống	7.200	4.050
130	OLMED 5mg 5mg (Malta)	Olanzapin	Viên	535110019123	Uống	6.720	2.900
131	Pracetam 1200 1200mg (Stada, Việt Nam)	Piracetam	Viên	VD-18536-13	Uống	20.000	2.200
132	Rileptid 1mg (Egis Pharmaceuticals Private Limited company - Hungary, Hungary)	Risperidone	Viên	VN-16749-13	Uống	1.200	2.555
133	Tanganil 500mg (PIERRE FABRE MEDICAMENT PRODUCTION, Pháp)	Acetyl leucin	Viên	VN-22534-20	Uống	7.200	4.500
	Thuốc chống thoái hóa khớp						
134	Rhaminas	Chondroitin 400mg, Glucosamin 392.6mg	viên	VD-21959-14	Uống	36.000	4.990
135	Cartijoints extra	Glucosamin sulfat kali clorid + Chondroitin sulfat natri	viên	893100070300 (SĐK cũ: VD-20456-14)	Uống	24.000	6.789
	Thuốc chống trầm cảm						
136	Amitriptylin 25mg 25mg (Công ty cổ phần Dược Danapha - Việt Nam, Việt Nam)	Amitriptylin	Viên	893110307424	Uống	9.600	950
137	GRANDAXIN	Tofisopam 50mg	viên	VN-15893-12	Uống	3.000	7.970
138	Asentra 50mg (Krka. D.D., Novo Mesto - Slovenia, Slovenia)	Sertralin	Viên	383110025323	Uống	3.000	8.610
139	Luvox (ABBOTT HEALTHCARE SAS, Hà Lan)	Fluvoxamin	Viên	VN-17804-14	Uống	600	6.570
	Thuốc chống virus						
140	Aciclovir 800mg (Khánh Hòa) 800mg (Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa, Việt Nam)	Aciclovir	Viên	VD-35015-21	Uống	7.200	944
	Thuốc chống virus						
141	Dinara (Davipharm, Việt Nam)	Lamivudin+Tenofovir	Viên	QLĐB-600-17	Uống	4.500	14.500
142	Topflovir 245mg	Tenofovir disoproxil (dưới dạng Tenofovir disoproxil fumarate 300mg) 245mg	viên	893110228323 (SĐK cũ: QLĐB-677-18)	Uống	7.200	30.000
	Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính						
143	Elumast 4 mg	Montelukast	Gói	840110187523	Uống	3.000	10.800
144	PULMICORT RESPULES 500MCG /2ML (AstraZeneca AB; Thụy Điển, Thụy Điển)	Budesonid	Ống	VN-21666-19	Hít	2.400	24.906

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SĐK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
145	SALLET 2mg/5ml (CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NAM, Việt Nam)	Salbutamol	Ống	VD-34495-20	Uống	6.000	3.400
	Thuốc chữa ho						
146	A.T Ambroxol 5ml (An Thien, Việt Nam)	Ambroxol	Ống	VD-24125-16	Uống	24.000	1.399
147	ACC SUS 200mg (Lindopharm GmbH-Germany, ĐỨC)	Acetylcystein	Gói	VN-19978-16	Uống	4.800	1.590
148	Brometic 2mg/10ml 2mg/10ml (Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam, Việt Nam)	Bromhexin	Ống	VD-23326-15	Uống	7.200	3.990
149	Bromhexin 8mg 8mg (Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa-Việt Nam, Việt Nam)	Bromhexin (hydroclorid)	Viên	893100388524	Uống	4.800	36
150	Drenoxol 10ml 30mg (Laboratoire, Portugal)	Ambroxol HCl	Ống	VN-21986-19	Uống	6.000	700
151	Prospan Cough Syrup 85ml 85mg (ĐỨC)	Cao khô lá thường xuân	Chai	VN-17873-14	Uống	6.000	68.000
	Thuốc điều trị trị						
152	Daflon (L) Tab 500mg 60's 450mg + 50mg (Les Laboratoires Servier Industrie-Pháp, Pháp)	Diosmin + hesperidin	Viên	VN-15519-12	Uống	7.200	3.886
153	Daflon 1000mg 900mg+100mg (Les Laboratoires Servier Industrie; Pháp, Pháp)	Diosmin + hesperidin	Viên	VN3-291-20	Uống	6.000	7.694
154	ISAIAS 600mg (Cty CP DP Đạt Vi Phú - Việt Nam, Việt Nam)	Diosmin	Viên	VD-28464-17	Uống	3.000	5.000
	Thuốc điều trị bệnh da liễu						
155	Azaduo 15g (Medisun, Việt Nam)	Adapalen+Benzoyl peroxid	Tuýp	893110223100 (QLĐB-684-18)	Uống	200	117.000
156	Pesancidin 15g 20mg (Medipharco - Tenamyd, Việt Nam)	Fusidic Acid	Tuýp	VD-16326-12	Thoa ngoài da	360	27.450
157	Pesancort 15g 300mg+15mg (Medipharco - Tenamyd, Việt Nam)	Fusidic acid + betamethason	Tuýp	VD-24421-16	Thoa ngoài da	360	31.990
158	VEDANAL FORT 10g (Merap, Việt Nam)	Acid fusidic,Hydrocortisone acetate	Tuýp	VD-27352-17	Dùng ngoài	480	52.000
	Thuốc điều trị bệnh đường tiết niệu						
159	Gacoba 2,5mg (Medisun, Việt Nam)	Alfuzosin	Viên	893110887524	Uống	2.400	3.500
160	Rowatinex (Ireland)	Pinene+Camphene+Cineol+Fenchone+Borneol+Anethol +Olive Oil	Viên	VN-15245-12	Uống	8.000	3.470
161	VESICARE 5mg (Astellas, Netherland)	Solifenacin	Viên	VN-16193-13	Uống	720	25.725
162	XATRAL XL 10mg (Sanofi, Pháp)	Alfuzosin	Viên	VN-22467-19	Uống	3.600	15.291
	Thuốc điều trị bệnh mắt						
163	Acetazolamid 250mg (Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic , Việt Nam)	Acetazolamid	Viên	VD-27844-17	Uống	2.400	1.000
164	Afenemi (Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội , Việt Nam)	Natri hyaluronat	Ống	VD-29479-18	Nhỏ mắt	2.400	8.000
165	DUOTRAV 2.5ml (s.a Alcon Couvreur NV-Bỉ, Bỉ)	Travoprost + Timolol	Hộp	VN-16936-13	Uống	60	272.000

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SDK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
166	Hanlim FUMERON EYE DROPS (Hanlim pharmaceutical Co.,Ltd, Hàn Quốc)	Fluorometholon	Lọ	VN-12609-11	Uống	120	23.100
167	Nevanac 0.1% (S.A.ALCON-COUVREUR N.V., Bỉ)	Nepafenac	Lọ	VN-17217-13	Nhỏ mắt	120	152.999
168	Pataday 0.2% (Alcon Research, Ltd.; Mỹ, Mỹ)	Olopatadin (hydroclorid)	Lọ	VN-13472-11	Nhỏ mắt	120	131.099
169	POSOD EYE DROPS 10ml (Hanlim pharmaceutical Co.,Ltd, Hàn Quốc)	Kali iodid + natri iodid	Lọ	VN-18428-14	Uống	360	27.825
170	Sanlein 0.1 Eye drop 0.1% x 5ml 1mg/ml (Santen Pharmaceutical Co. Ltd., Nhật, Nhật)	Natri hyaluronat	Lọ	VN-17157-13	Nhỏ mắt	400	62.158
Thuốc điều trị đau nửa đầu							
171	Timmak 3mg (S.P.M, Việt Nam)	Dihydro ergotamin mesylat	Viên	VD-27341-17	Uống	3.600	2.100
Thuốc điều trị gút							
172	Colchicin 1 mg (Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa, Việt Nam, Việt Nam)	Colchicin	Viên	VD-22172-15	Uống	3.600	262
173	FEBUDAY 40 40mg (Ấn Độ)	Febuxostat	Viên	890110135024	Uống	18.000	16.000
174	Febuliv 80	Febuxostat	viên	890110776724	Uống	15.000	18.800
175	Sadapron 300 300mg (Remedica Ltd, Cyprus, Sip)	Allopurinol	Viên	529110073123	Uống	3.600	2.430
THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ VÀ ĐIỀU HÒA MIỄN DỊCH							
176	Methotrexat 50mg/2ml Bidiphar	Methotrexat 50mg/2ml	Hộp	893114226823	Tiêm	100	65.982
Thuốc điều trị suy tim							
177	Digorich 0.25mg 0.25mg (Phong Phú, Việt Nam)	Digoxin	Viên	VD-22981-15	Uống	2.400	610
178	Samsca Tablets 15mg 15mg (Korea Otsuka, Hàn Quốc)	Tolvaptan	Viên	VN2-565-17	Uống	300	315.000
Thuốc điều trị tăng huyết áp							
179	Betaloc Zok Tab 25mg 14's 25mg (AstraZeneca AB-Thụy Điển, Thụy Điển)	Metoprolol succinat	Viên	VN-17243-13	Uống	7.200	4.389
180	Captopril Stada 25mg (CÔNG TY TNHH LD STADA -VIỆT NAM, Việt Nam)	Captopril	Viên	VD-35366-21	Uống	6.000	441
181	Combizar (United Pharma, Việt Nam)	Losartan + hydroclorothiazid	Viên	893110302424	Uống	7.200	5.000
182	Concor Cor Tab 2.5mg 3x10's 2,5mg (Merck KGaA; đóng gói bởi Merck KGaA & Co., Werk Spittal-Đức, đóng gói Áo, Áo)	Bisoprolol Fumarat	Viên	VN-18023-14	Uống	36.000	3.147
183	Coversyl plus 5/1.25 5mg + 1,25mg (Les Laboratoires Servier Industrie-Pháp, Pháp)	Indapamid+Perindopril	Viên	VN-18353-14	Uống	12.000	6.500
184	Am-Isartan	Irbesartan	Viên	893110276300	Uống	7.200	3.171
185	Coversyl Tab 5mg 30's 5mg (Les Laboratoires Servier Industrie-Pháp, Pháp)	Perindopril	Viên	VN-17087-13	Uống	7.200	5.028
186	Dopegyt 250mg 250mg (Egis Pharmaceuticals Private Limited company - Hungary, Hungary)	Methyldopa	Viên	VN-13124-11	Uống	3.600	2.198
187	Egilok 25mg (Egis Pharmaceuticals Private Limited company, Hungary)	Metoprolol	Viên	VN-22910-21	Uống	6.000	1.579
188	Amlor 5mg	amlodipin	viên	300110025623	Uống	12.000	7.593

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SDK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
189	EXFORGE TAB 5mg/80mg (Novartis, Tây Ban Nha)	amlodipin + valsartan	Viên	VN-5692-08	Uống	3.360	9.987
190	Lorista H 50mg/12.5mg (Slovenia)	Losartan + hydrochlorothiazid	Viên	383110406723	Uống	12.000	4.780
191	Lostad T50mg 50mg (Stada, Việt Nam)	Losartan	Viên	893110504424	Uống	7.200	1.323
192	Nifedipin T20 Stada retard 20mg (Stada, Việt Nam)	Nifedipin	Viên	VD-24568-16	Uống	6.000	520
193	Qcozetax 50	Coenzyme Q10 50mg	viên	893100161423	Uống	6.000	8.500
194	Uperio 100mg (Novartis, Singapore)	Sacubitril + Valsartan	Viên	800110436023	Uống	560	20.000
Thuốc điều trị tiêu chảy							
195	A.T Zinc Siro 10mg/5ml (CTCP DP An Thiên - Việt Nam, Việt Nam)	Kẽm gluconat	Ống	VD-25649-16	Uống	18.000	1.575
196	Berberin 100mg (Bidiphar - Việt Nam, Việt Nam)	Berberin (hydroclorid)	Viên	VD-19319-13	Uống	6.000	495
197	Berberine 100mg 100ng (Mekophar, Việt Nam)	Berberin (hydroclorid)	Viên	VD-32129-19	Uống	3.000	502
198	BIOFLORA 100mg 100mg (Biocodex, France)	Saccharomyces boulardii	Gói	VN-16392-13	Uống	12.000	5.500
199	ENTEROGOLDS (CÔNG TY CỔ PHẦN VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NHA TRANG, Việt Nam)	Bacillus clausii	Viên	QLSP-955-16	Uống	12.000	2.625
200	Grazincure (Gracure Pharmaceutical Ltd - India, Ấn Độ)	Kẽm sulfat	Chai	VN-16776-13	Uống	360	30.000
201	HIDRASEC 30MG CHILDREN (SOPHARTEX, France)	Racecadotril	Gói	VN-21165-18	Uống	6.000	5.354
202	Imodium Cap 2mg (Olic, Thailand)	Loperamid	Viên	VN-13196-11	Uống	2.400	2.700
203	Progermila 5ml/ Hộp 20 ống 5ml (Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam, Việt Nam)	Bacillus clausii	Ống	QLSP-903-15	Uống	9.600	5.460
204	Smecta 3g (BEAUFOUR IPSEN INDUSTRIE, Pháp)	Diosmectit	Gói	VN-19485-15	Uống	7.200	3.750
Thuốc đường tiêu hóa khác							
205	Banitase (PHIL INTER, Việt Nam)	Trimebutin maleate+Dehydrocholic acid+Pancreatin+Bromelain+Simethicone	Viên	VD-22374-15	Uống	24.000	7.500
206	Colonic 1000mg (NIC Pharma, Việt Nam)	Arginin	Ống	VD-28609-17	Uống	36.000	15.500
207	Hepa Arginin 400	L-Arginine hydrochloride 400mg	Viên	893110633624 (VD-33695-19)	Uống	24.000	3.900
208	Helorni	L-ornithin L-aspartat 150mg	viên	VD-28586-17	Uống	9.600	4.450
209	ELTHON 50MG TAB 50mg (MYLAN EPD G.K., Japan)	Itopride Hydrochloride	Viên	VN-18978-15	Uống	6.000	4.460
210	EspumisanL 40mg/ml 30ml 40mg/ml (Berlin Chemie AG - Đức, ĐỨC)	Simethicon	Hộp	VN-22001-19	Uống	600	53.300
211	Livernin- DH 500mg/5ml (Việt Nam)	Arginin	Ống	VD-33993-20	Uống	6.000	6.300
212	Pentasa 500mg 500mg (Ferring International Center SA - Thụy Sĩ, Thụy Sĩ)	Mesalazin	Viên	760110027623	Uống	3.600	11.874
213	TENZUMAX (Nam Hà, Việt Nam)	Arginin	Viên	VD-35303-21	Uống	36.000	4.900
214	URUSO 300mg 300mg (DAEWOONG PHARMACEUTICAL CO., LTD, Hàn Quốc)	Ursodeoxycholic acid	Viên	VN-17706-14	Uống	3.600	11.500

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SĐK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
215	GRINTEROL 250mg Capsules	Ursodeoxycholic acid	Viên	VN-22723-21	Uống	3.600	8.300
216	Ursomaxe Tablet 200mg	Ursodeoxycholic Acid	Viên	VN-21742-19	Uống	2.400	8.200
Thuốc giải độc và các thuốc dùng trong trường hợp ngộ độc							
217	Domitazol 250mg+25mg+20mg (DOMESCO - Việt Nam, Việt Nam)	Bột hạt Malva, Xanh methylen, Camphor monobromid	Viên	VD-22627-15	Uống	15.000	2.300
Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid							
218	Opetradol	Paracetamol 325mg; Tramadol HCl 37,5mg	Viên	VD-20791-14	Uống	18.000	5.000
219	Dexibufen softcap 400mg (Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam, Việt Nam)	Dexibuprofen	Viên	VD-29706-18	Uống	7.200	5.985
220	Philrogam 300mg	Dexibuprofen	Viên	893110106324	Uống	15.000	3.200
221	EFFERALGAN 150mg SUPPO 150mg (Bristol-Myers Squibb S.r.l - Ý, Pháp)	Paracetamol	Viên	VN-21850-19	Đặt hậu môn	600	2.250
222	EFFERALGAN 300MG SUPPO 300mg (Upsa, Pháp)	Paracetamol	Viên	VN-21217-18	Đặt hậu môn	600	2.641
223	EFFERALGAN 500MG 500mg (Bristol-Myers Squibb S.r.l - Ý, France)	Paracetamol	Viên	VN-21216-18	Uống	15.000	2.409
224	EFFERALGAN 80mg Suppo 80mg (Bristol-Myers Squibb S.r.l - Ý, Pháp)	Paracetamol	Viên	VN-12418-11	Đặt hậu môn	600	1.890
225	Falgankid 160mg/10ml 160mg (Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam, Việt Nam)	Paracetamol	Ống	VD-21506-14	Uống	18.000	3.150
226	Falgankid 25mg/ml 250mg (Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam, Việt Nam)	Paracetamol	Ống	VD-21507-14	Uống	18.000	4.200
227	IBULIFE 100mg	Ibuprofen	Chai	VN-20978-18	Uống	600	78.000
228	Biflufen 100mg	Flurbiprofen	Viên	868110137023	Uống	18.000	10.500
229	Lornomeyer 4 mg (Meyer- BPC, Việt Nam)	Lornoxicam	Viên	VD-35098-21	Uống	18.000	4.500
230	MHAescin 40 40mg (Công ty cổ phần Dược Minh Hải - Việt Nam, Việt Nam)	Alpha- aescin	Viên	VD-32611-19	Uống	12.000	4.600
231	Atmecin 40mg	Aescin	Viên	VD-35093-21	Uống	12.000	5.950
232	ESPACOX 200MG	Celecoxib 200mg	Viên	VN-20945-18	Uống	9.600	9.100
233	Mobic 7.5MG 7,5mg (Boehringer Ingelheim Ellas A.E, Hy Lạp, Greece)	Meloxicam	Viên	VN-16141-13	Uống	9.600	9.122
234	ETOVA 400	Etodolac 400mg	Viên	893110327723	Uống	12.000	7.500
235	Panadol 500mg 500mg (Malaysia)	Paracetamol	Viên	539100184423	Uống	12.000	2.410
236	Panadol Extra 500mg+65mg (Sanofi, Việt Nam)	Paracetamol + cafein	Viên	GC-307-18	Uống	15.000	1.258
237	Partamol Tab 500mg (CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH STADA-VIỆT NAM, Việt Nam)	Paracetamol	Viên	VD-23978-15	Uống	36.000	450
238	Sunigam 300 (CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM, Việt Nam)	Tiaprofenic acid	Viên	VD-30405-18	Uống	15.000	9.800
239	Terpin Codein 15mg 100mg +15mg (TV.PHARM - Việt Nam, Việt Nam)	Terpin hydrat + Codein phosphat	Viên	893111302523	Uống	5.000	600

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SDK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
240	Voltaren suppo 100mg (DELPHARM HUNINGUE S.A.S, France)	Diclofenac	Viên	VN-16847-13	Đặt hậu môn	1.500	15.062
241	Voltaren tab 75mg 75mg (Novartis Farma S.p.A-Ý, Italia)	Diclofenac natri	Viên	VN-11972-11	Uống	2.400	6.185
	Thuốc giãn cơ và ức chế cholinesterase						
242	BOURABIA-8 (Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam, Việt Nam)	Thiocolchicosid	Viên	VD32809-19	Uống	6.600	6.000
243	MYDOCALM 150mg 150mg (Gedeon Richter, Hungary)	Tolperison	Viên	VN-17953-14	Uống	6.000	3.137
244	Myonal 50mg 50mg (Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory - Nhật, Nhật)	Eperison	Viên	VN-19072-15	Uống	10.800	3.416
	Thuốc hạ lipid máu						
245	Crestor Tab 10mg 28's 10,4 mg (tương đương rosuvastatin 10 mg) (IPR Pharmaceuticals INC., đóng gói AstraZeneca UK Limited-Mỹ, đóng gói Anh, Mỹ)	Rosuvastatin calci	Viên	VN-18150-14	Uống	5.600	9.896
246	Crestor Tab 20mg 28's 20,8 mg (tương đương rosuvastatin 20 mg) (IPR Pharmaceuticals INC., đóng gói AstraZeneca UK Limited-Mỹ, đóng gói Anh, Mỹ)	Rosuvastatin calci	Viên	VN-18151-14	Uống	2.800	14.903
247	Ezenstatin 10/20 (Agimexpharm- Việt Nam, Việt Nam)	Atorvastatin Calcium+Ezetimib	Viên	VD-32783-19	Uống	33.600	7.980
248	GONSA ATZETI 10mg+10mg (Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam, Việt Nam)	Atorvastatin+Ezetimib	Viên	VD30340-18	Uống	18.000	4.800
249	Lipanthyl 200mg 200MG (Recipharm Fontaine, Pháp)	Fenofibrat	Viên	VN-17205-13	Uống	9.000	7.053
250	Pitator Tablets 2mg 2mg (Oriental ChemicalWorks, Đài Loan)	Pitavastatin	Viên	VN-20588-17	Uống	7.800	11.980
	Thuốc khác						
251	BISNOL 120mg 120mg (Davipharm, Việt Nam)	Tripotassium dicitrato bismuthate	Viên	VD28446-17	Uống	36.000	2.950
252	Ulcersep 262.5mg	Bismuth subsalicylat	Viên	893110056223	Viên nhai	24.000	3.800
253	Citicolin A.T 1000mg/4ml (An Thien, Việt Nam)	Citicolin	Ống	VD-35424-21	Tiêm tĩnh mạch	1.200	79.500
254	Debridat Tab 100mg 30's 100mg (Farnea, Pháp)	Trimebutin maleat	Viên	VN-22221-19	Uống	7.200	2.906
255	DECOLIC 24mg (CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2, Việt Nam)	Trimebutin maleat	Gói	VD-19304-13	Uống	12.000	2.100
256	USARALPHA 4200 IU (Phong Phú, Việt Nam)	Alpha chymotrypsin	Gói	893110416724	Uống	24.000	3.800
257	CTT MOSIN	Alpha chymotrypsin	Viên	VD-32302-19	Uống	40.000	2.050
258	USARALPHAR 8400 UI	Alphachymotrypsin (tương đương Alphachymotrypsin 8,40mg)	Gói	893110416824	Uống	30.000	8.000

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SĐK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
259	Zentason 16,8ml 7mg (Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam, Việt Nam)	Mometason furoat	Chai	VD-30326-18	Uống	240	125.000
Thuốc kháng acid và các thuốc chống loét khác tác dụng trên đường tiêu hóa							-
260	ALZOLE 40mg 40mg (TV.PHARM - Việt Nam, Việt Nam)	Omeprazol	Viên	VD-35219-21	Uống	6.000	289
261	Aquima 10ml (Merap, Việt Nam)	Magnesi hydroxid + nhôm hydroxid + simethicon	Gói	VD-32231-19	Uống	36.000	3.300
262	DIGAZO (Healthcare, Việt Nam)	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Viên	VD-31443-19	Uống	36.000	3.200
263	EBYSTA (Merap, Việt Nam)	Sodium alginate, Calcium carbonate, Sodium bicarbonate	Gói	VD-32232-19	Uống	40.000	4.000
264	Esosunny 40 40mg (Cophavina, Việt Nam)	Esomeprazol	Viên	VD-29548-18	Uống	36.000	10.500
265	Emanera 40mg	Esomeprazol 40mg	Viên	VN-21711-19	Uống	24.000	11.490
266	Gastevin 30mg (Krka, Slovenia)	Lansoprazol	Viên	VN-18275-14	Uống	24.000	9.450
267	Moxydar (France)	Nhôm oxid hydrate hóa+Magnesi hydroxid+Nhôm phosphat hydrat hóa+Gôm guar	Viên	300100008124	Uống	18.000	8.000
268	Mucosta 100mg (Korea Otsuka Pharmaceutical. Co. Ltd. , Hàn Quốc, Hàn Quốc)	Rebamipid	Viên	499110142023	Uống	18.000	4.002
269	Nexium Mups 40mg (viên)/ hộp 14 viên 40mg (AstraZeneca AB-Thụy Điển, Thụy Điển)	Esomeprazol magnesi trihydrat	Viên	VN-19782-16	Uống	8.400	22.456
270	Nexium SAC 10mg 10mg (AstraZeneca AB-Thụy Điển, Thụy Điển)	Esomeprazol magnesi trihydrat	Gói	VN-17834-14	Uống	2.800	22.456
271	Phosphalugel 12,38g (Pharmatis, Pháp, France)	Aluminum phosphat	Gói	300100006024	Uống	8.000	4.014
272	PROPRANOLOL 40mg 40mg (TV.PHARM - Việt Nam, Việt Nam)	Propranolol (hydroclorid)	Viên	VD-21392-14	Uống	3.000	595
273	RABIZOL 20 TABLET (Bangladesh)	Rabeprazole Sodium	Viên	VN-21820-19	Uống	36.000	2.228
274	Gelbra 20mg Gastro-resistant tablets	Rabeprazole natri	Viên	383110986524 (SĐK cũ: VN-22069-19)	Uống	48.000	7.395
275	Rabiswift 20mg	Rabeprazole Sodium	Viên	VN-21411-18	Uống	36.000	12.000
Thuốc lợi tiểu							-
276	VEROSPIRON 25MG 25mg (Gedeon Richte, Hungary)	Spironolacton	Viên	VN-16485-13	Uống	7.200	2.499
277	Vinzix 40mg (Vinhphaco, Việt Nam)	Furosemid	Viên	893110306023	Uống	6.000	87
Thuốc tác động lên hệ thần kinh							-
278	Ceralon (Việt Nam)	Ginkgo biloba	Viên	VD-33230-19	Uống	36.000	6.500
279	Teburap SoftCap	Ginkgo biloba	Viên	VN-19312-15	Uống	18.000	6.200
280	Neurontin 300mg	Gabapentin 300mg	Viên	VN-16857-13	Uống	6.000	11.316
281	Gikorcen 120mg	Cao khô lá bạch quả (tương đương 28.8mg ginkgo flavon glycosid toàn phần)	Viên	VN-22803-21	Uống	15.000	6.250
282	Cavinton 5mg	Vinpocetin 5mg	Viên	VN-20508-17	Uống	3.000	2.730

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SĐK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
283	Stugeron 25mg (Janssen Cilag, Thailand)	Cinnarizin	Viên	VN-14218-11	Uống	9.600	742
284	Pidoncam 1200mg 1200mg/5ml (Ha Nam, Việt Nam)	Piracetam	Ông	VD-34327-20 (893110273200)	Uống	18.000	9.800
285	Atsotine 400mg Soft Capsule	Cholin alfoscerat	Viên	VN-22537-20	Uống	36.000	13.500
286	Anbaserin	Phosphatidylserin 350mg	Viên	VD-35540-22	Uống	36.000	29.505
287	Ibafilin 400mg	Cholin alfoscerate 400mg	Viên	VD-35859-22	Uống	40.000	13.300
288	TENASPEC (Mediplantex, Việt Nam)	Choline alfoscerat	Viên	VD-22560-15	Uống	36.000	23.900
Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu							
289	Transamin Tablets 500mg	Tranexamic acid 500mg	Viên	VN-17416-13	Uống	9.000	3.850
Thuốc tai mũi họng							
290	Betaserc 24 24mg (MYLAN LABORATOIRES SAS., Pháp)	Betahistine dihydrochloride	Viên	VN-12029-11	Uống	10.800	5.962
291	MEDORAL 250ml (Merap, Việt Nam)	Chlorhexidin digluconat	Chai	VS-4919-15	Súc miệng	500	90.000
292	Meseca Fort (Merap, Việt Nam)	Azelastine hydrochloride+Fluticason propionat	Chai	VD-28349-17	Xịt mũi	360	120.000
293	Otrivin 0,05% Nasal Dro 10ml 0,05%/ 10ml (Novartis Consumer Health S.A, Thụy Sĩ, Thụy Sĩ)	Xylometazolin	Lọ	VN-22705-21	Nhỏ mũi	500	38.500
Thuốc tẩy trùng và sát khuẩn							
294	Natricloride 0.9% 10ml	Natri clorid	Lọ	893100901924	Dùng ngoài	6.000	1.200
Thuốc tẩy, nhuận tràng							
295	Duphalac 10g/15ml (Abbott Biologicals B.V - Hà Lan, Hà lan)	Lactulose	Gói	870100067323	Uống	6.000	2.592
296	Golistin-enema 133ml (Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam, Việt Nam)	Monobasic natri phosphat+ dibasic natri phosphat	Chai	VD-25147-16	Bơm trực tràng	700	51.408
297	Rectiofar 3ml 3ml (Việt Nam)	Glycerin	Tuýp	VD-19338-13	Bơm trực tràng	1.200	2.055
298	Rectiofar 5ml 5ml (Việt Nam)	Glycerin	Tuýp	VD-19338-13	Bơm trực tràng	1.200	2.601
299	Tranfast (Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam, Việt Nam)	Macrogol (Polyetylen glycol) + natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid	Gói	VN-33430-19	Uống	7.200	27.930
Thuốc thúc đẻ, cầm máu sau đẻ							
300	Misoprostol Stella	Misoprostol	Viên	VD-13626-10	Uống	6.000	3.750
Thuốc trị giun sán							
301	AZOLTEL 400mg 400mg (Stada, Việt Nam)	Albendazol	Viên	VD-34463-20	Uống	3.000	6.500
302	DEWORM 250mg (Pharmaceutical Manufacturing Cooperative GALENA, POLAND, India)	Triclabendazol	Viên	VN-16567-13	Uống	1.200	23.000
303	Ivermectin 3 A.T	Ivermectin 6mg	viên	893110149424	Uống	1.200	5.600
304	Fugacar 500mg (OLIC (Thailand) Ltd., Thái Lan, Thailand)	Mebendazol	Viên	VN-16500-13	Uống	300	19.572
Thuốc uống							
305	Kaleorid 600mg 600mg (Leo, Đan Mạch)	Potassium chlorid	Viên	VN-15699-12	Uống	7.200	2.100
306	Panangin 140mg+158mg (Gedeon Richter Plc.- Hungary, Hungary)	Magnesi aspartat+kali aspartat	Viên	VN-21152-18	Uống	7.200	1.700

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	ĐVT	SĐK	Đường dùng	Số lượng dự kiến	Đơn giá dự toán
	Huyết thanh và globulin miễn dịch						-
307	SAT 1500IU (IVAC - Việt Nam, Việt Nam)	Huyết thanh kháng uốn ván (SAT)	Ống	893410250823	Tiêm bắp	240	29.043
	Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid						-
308	Voltaren 75mg/3ml 75mg/3ml (Lek Pharmaceuticals d.d.-Slovenia, Slovenia)	Diclofenac	Ống	VN-20041-16	Uống	200	18.000
	Thuốc tác động lên hệ thần kinh						-
309	Cerebrolysin 10ml 10ml (Cơ sở xuất xưởng: Ever Neuro pharma GmbH, Austria, Áo)	Cerebrolysin	Ống	QLSP-845-15	Tiêm bắp	3.000	104.790
	Thuốc chống dị ứng						-
310	ACRITEL-10 10mg (Davipharm, Việt Nam)	Levocetirizine dihydrochloride	Viên	VD-28899-18	Uống	3.600	2.900
311	Fixco 180mg	Fexofenadine	Viên	VD-33862-19	Uống	6.000	5.100
312	LORATADINE 10mg 10mg (TV.PHARM - Việt Nam, Việt Nam)	Loratadin	Viên	893100058923	Uống	6.000	127
313	Phenhalal 2,5mg (Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam, Việt Nam)	Levocetirizin	Ống	893100219424	Uống	6.000	5.800
314	TADARITIN 5mg 5mg (Laboratoire, Spain)	Desloratadin	Viên	VN-16644-13	Uống	9.600	4.779
315	Zyx 5mg 5mg (Cty CP Dược phẩm Trung Ương 2 - Việt Nam, Việt Nam)	Levocetirizine dihydrochloride	Viên	590100073923	Uống	18.000	3.800
Tổng : 315 khoản							



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Tứ



CÔNG TY:.....
ĐỊA CHỈ:.....
SỐ ĐIỆN THOẠI:.....



BẢNG CHÀO GIÁ

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bình Định (Bệnh viện Bình Định)
Địa chỉ: Địa chỉ: 39A Phạm Ngọc Thạch, P. Trần Phú, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Theo Thông báo số/TB-CTCPBVĐKBĐ ngày/...../2025 của Bệnh viện, Công ty chúng tôi chào giá như sau:

S T T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá KK	Đơn giá (VND)	Căn cứ chào giá		
													Tên CSYT, số QĐTT (trong vòng 12 tháng)	Số lượng đã trúng thầu	Đơn giá đã trúng thầu

Yêu cầu chào giá:

- Chào giá này có hiệu lực 180 ngày kể từ ngày ký.
- Đơn giá: đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật quy định, chi phí vận chuyển, giao hàng ...
- Thời hạn thanh toán ngày.

....., Ngày....tháng.....năm 2025

